

MATH AND L^AT_EX

ĐỀ THAM KHẢO 1

Đề thi gồm có 02 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cho tập hợp $A = \{2; 4; 6; 8\}$. Cách viết nào sau đây là đúng?

- (A) $4 \subset A$. (B) $\{8\} \in A$. (C) $\{4; 6\} \in A$. (D) $\{8; 6; 4\} \subset A$.

Câu 2. Số nào sau đây chia hết cho cả 2 và 3?

- (A) 34. (B) 44. (C) 54. (D) 64.

Câu 3. Kết quả của phép tính $3^5 \cdot 3$ là

- (A) 3^4 . (B) 3^6 . (C) 9^6 . (D) 9^4 .

Câu 4. Tập hợp $Y = \{x \in \mathbb{N} \mid x \leq 9\}$. Số phần tử của Y là

- (A) 7. (B) 8. (C) 9. (D) 10.

Câu 5. Trên tia Ax , nếu $AB = 3\text{cm}$, $AC = 2\text{cm}$ thì

- (A) Điểm B nằm giữa hai điểm A và C . (B) Điểm A nằm giữa hai điểm B và C .
(C) Điểm C nằm giữa hai điểm A và B . (D) Cả 4 câu trên đều sai.

Câu 6. Đường thẳng a và đường thẳng b có một điểm chung, ta nói

- (A) Đường thẳng a cắt đường thẳng b .
(B) Đường thẳng a trùng với đường thẳng b .
(C) Đường thẳng a song song đường thẳng b .
(D) Đường thẳng a và đường thẳng b không cắt nhau.

B. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1.

- a) Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 14 và nhỏ hơn 19 bằng hai cách.
b) Tính số phần tử của tập hợp $B = \{11; 12; 13; \dots; 19; 20\}$.

Bài 2. Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể):

- a) $18 \cdot 76 + 15 \cdot 18 + 9 \cdot 18$.
b) $20 - [30 - (6 - 1)^2]$.
c) $20 + 22 + \dots + 138 + 140$.

Bài 3. Tìm x :

- a) $96 - 3 \cdot (x + 1) = 42$. b) $15x - 9x + 2x = 72$.
c) $3^{x+2} + 3^x = 10$.

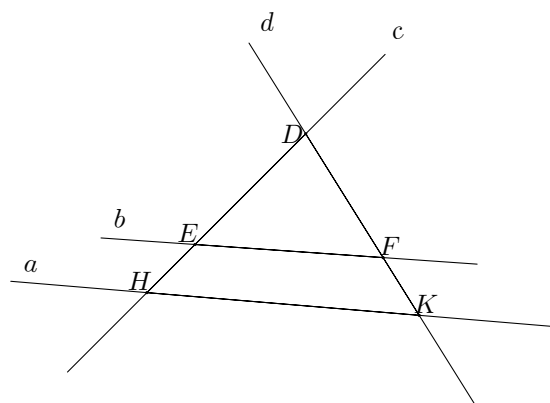
Bài 4.

1) Vẽ đường thẳng xy . Lấy điểm O thuộc đường thẳng xy . Lấy điểm M thuộc tia Ox , điểm N thuộc tia Oy .

- (a) Viết tên hai tia đối nhau gốc O .

(b) Trong 3 điểm O, M, N điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại.

2) Cho hình vẽ



(a) Có tất cả mấy đường thẳng phân biệt?

(b) Điểm E thuộc đường thẳng nào?

(c) Đọc tên các bộ ba điểm thẳng hàng.

(d) Giao điểm của hai đường thẳng d và c là điểm nào?

— HẾT —

MATH AND L^AT_EX

ĐỀ THAM KHẢO 2

Đề thi gồm có 02 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng trong các câu sau:

- ☒ **Câu 1.** Giá trị lũy thừa 4^3 là
 (A) 12. (B) 64. (C) 16. (D) 48.
- ☒ **Câu 2.** Kết quả của phép tính $13^8 : 13^4$ là
 (A) 13^2 . (B) 13^4 . (C) 13^{12} . (D) 1^4 .
- ☒ **Câu 3.** Số 4 viết theo chữ số La Mã là
 (A) VI. (B) IV.
 (C) IIII. (D) Một kết quả khác.
- ☒ **Câu 4.** Cho tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N}^* | x < 9\}$, số phần tử của A là
 (A) 10. (B) 9. (C) 8. (D) 11.
- ☒ **Câu 5.** Tập hợp các ước của 8 là
 (A) $\{0; 1; 2; 4; 6; 8\}$. (B) $\{0; 1; 2; 4; 8\}$. (C) $\{1; 2; 4; 8\}$. (D) $\{1; 2; 4; 6; 8\}$.
- ☒ **Câu 6.** Kết quả phân tích số 120 ra thừa số nguyên tố là
 (A) $2^3 \cdot 3 \cdot 5$. (B) $2 \cdot 3 \cdot 4 \cdot 5$. (C) $15 \cdot 2^3$. (D) $2 \cdot 3 \cdot 2^2 \cdot 5$.
- ☒ **Câu 7.** Có bao nhiêu số nguyên tố có hai chữ số mà chữ số hàng đơn vị là 1?
 (A) 4 số. (B) 3 số. (C) 5 số. (D) 6 số.
- ☒ **Câu 8.** Cho tập hợp $A = \{a, b, c, d, e\}$. Số tập hợp con của A mà có 4 phần tử là
 (A) 5. (B) 6. (C) 3. (D) 4.

B. PHẦN TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài 1. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lí)

- a) $3 \cdot 5^2 - 15 \cdot 2^2$. b) $58 \cdot 76 + 47 \cdot 58 - 58 \cdot 23$.
 c) $125 \cdot 5 \cdot 17 \cdot 8 \cdot 2$. d) $621 - \{[(117 + 3) : 5] - 3^2\}$.

Bài 2. (2 điểm) Tìm $x \in \mathbb{N}$, biết

- a) $2 \cdot (x + 4) + 5 = 65$. b) $(x - 5)^2 = 16$.
 c) $x : 12$ và $24 < x < 67$. d) $5^x \cdot 3 - 75 = 0$.

Bài 3. (1 điểm) Điền vào x, y các chữ số thích hợp để

- a) Số $\overline{2x5}$ chia hết cho 9. b) Số $\overline{4y3x}$ chia hết cho cả 2; 3 và 5.

Bài 4. (2 điểm) Cho Ox và Oy là hai tia đối nhau. Điểm P và Q thuộc tia Ox sao cho P nằm giữa O và Q . Điểm A thuộc tia Oy .

- a) Tia nào trùng với tia OP ? Tia nào trùng với tia OA ?
 b) Tia nào là tia đối của tia PQ ?

c) Có bao nhiêu đoạn thẳng? Kể tên các đoạn thẳng đó?

Bài 5. (1 điểm)

a) Cho $A = 11^9 + 11^8 + 11^7 + \dots + 11 + 1$. Chứng minh rằng $A \vdots 5$.

b) Chứng minh rằng với mọi số tự nhiên n thì $n^2 + n + 1$ không chia hết cho 4.

Học sinh không được sử dụng máy tính cầm tay

— HẾT —

MATH AND L^AT_EX

ĐỀ THAM KHẢO 3

Đề thi gồm có 01 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

Bài 1. (3 điểm) Thực hiện phép tính

a) $19 \cdot 64 + 36 \cdot 19.$

b) $2^2 \cdot 3 - (1^{10} + 8) : 3^2.$

c) $150 - |10^2 - (14 - 11)^2 \cdot 2007^0|.$

Bài 2. (3 điểm) Tìm số tự nhiên x , biết:

a) $41 - (2x - 5) = 18.$

b) $2^x \cdot 4 = 128.$

c) x là B(11) và $13 < x < 47.$

Bài 3. (3 điểm) Điểm B nằm giữa hai điểm A và C sao cho $AC = 5$ cm, $BC = 3$ cm.

a) Tính AB ?

b) Trên tia đối của tia BA , lấy điểm D sao cho $BD = 5$ cm. Giải thích tại sao tia BD và tia BC trùng nhau.

c) Chứng tỏ rằng: $AB = CD.$

Bài 4. (1 điểm) Tìm số tự nhiên n biết $(n + 4) : (n + 1).$

— HẾT —

MATH AND L^AT_EX

ĐỀ THAM KHẢO 4

Đề thi gồm có 01 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Câu 1. Tập hợp M các số tự nhiên khác 0 và nhỏ hơn 3 là:

(A) $M = \{x \in \mathbb{N}^* | x \leq 3\}$.

(B) $M = \{x \in \mathbb{N}^* | x < 3\}$.

(C) $M = \{x \in \mathbb{N} | x < 3\}$.

(D) $M = \{1; 3\}$.

Câu 2. Kết quả của phép tính $2^{12} : 2^4$ là:

(A) 1^8 .

(B) 2^8 .

(C) 2^3 .

(D) 1^3 .

Câu 3. Tổng $9 \cdot 7 \cdot 5 \cdot 4 + 540$ không chia hết cho số nào dưới đây?

(A) 7.

(B) 3.

(C) 9.

(D) 2.

Câu 4.

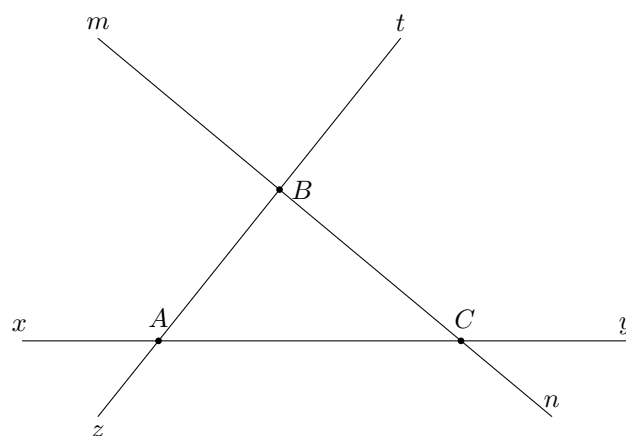
Trong hình vẽ bên, tia đối của tia Ax là:

(A) tia AB .

(B) tia Az .

(C) tia Cy .

(D) tia AC .



B. PHẦN TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài 1. (1 điểm) Cho tập hợp $A = \{1; 3; 5; 7; 9\}$ và B là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 6.

a) Viết tập hợp B bằng hai cách: liệt kê các phần tử và chỉ ra các tính chất đặc trưng.

b) Viết tập hợp C gồm các phần tử x sao cho $x \in A$ và $x \in B$. Dùng kí hiệu $\subset$ để thể hiện quan hệ giữa hai tập hợp A và C .

Bài 2. (2 điểm) Thực hiện các phép tính sau:

a) $71 - 50 : [5 + 3 \cdot (57 - 6 \cdot 7)]$.

b) $290 - 10 \cdot (2018^0 + 3^5 : 3^2)$.

Bài 3. (2 điểm) Tìm các số tự nhiên x biết:

a) $(x - 20) : 5 = 40$.

b) $(3x - 4)^3 = 7 + 1^{2018}$.

Bài 4. (2 điểm) Cho đoạn thẳng AB dài 5 cm. Trên đoạn thẳng AB lấy điểm C sao cho $AC = 3$ cm.

a) Tính BC .

b) Lấy điểm D thuộc tia đối của tia BC sao cho $BD = 2$ cm. So sánh độ dài hai đoạn thẳng CD và AB .

Bài 5. (1 điểm) Cho a, b, c, d, e, g là các chữ số, trong đó a, c, e khác 0.

Chứng minh rằng nếu $(\overline{ab} + \overline{cd} + \overline{eg}) : 11$ thì $\overline{abcdeg} : 11$.

— HẾT —

MATH AND L^AT_EX

ĐỀ THAM KHẢO 5

Đề thi gồm có 02 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu trả lời đúng nhất.

- Câu 1.** Cho tập hợp $A = \{a; 5; b; 7\}$. Chọn khẳng định **đúng**.
 (A) $5 \in A$. (B) $0 \in A$. (C) $7 \notin A$. (D) $a \notin A$.
- Câu 2.** Tập hợp $A = \{0; 1; 2; 3; \dots; 100\}$ có số phần tử là
 (A) 99. (B) 100. (C) 101. (D) 102.
- Câu 3.** Tập hợp $Q = \{1; 2; 3; \dots; 55\}$ có thể viết là
 (A) $Q = \{x \in \mathbb{N} \mid 1 < x < 55\}$. (B) $Q = \{x \in \mathbb{N} \mid 0 < x < 55\}$.
 (C) $Q = \{x \in \mathbb{N} \mid 1 < x < 56\}$. (D) $Q = \{x \in \mathbb{N} \mid 1 \leq x \leq 55\}$.
- Câu 4.** Cặp số chia hết cho 2 là
 (A) (234; 415). (B) (312; 450). (C) (675; 530). (D) (987; 123).
- Câu 5.** Nếu a chia hết cho 3 và b chia hết cho 6 thì $a + b$ chia hết cho
 (A) 3. (B) 6. (C) 9. (D) 5.
- Câu 6.** Số vừa chia hết cho 3, vừa chia hết cho 5 là
 (A) 425. (B) 693. (C) 660. (D) 256.
- Câu 7.** Cho hai tập hợp: $U(10)$ và $U(15)$ giao của hai tập hợp này là
 (A) $A = \{0; 1; 2; 3; 5\}$. (B) $B = \{1; 5\}$. (C) $C = \{0; 1; 5\}$. (D) $D = \{5\}$.
- Câu 8.** Các cặp số nào sau đây là nguyên tố cùng nhau?
 (A) 3 và 11. (B) 4 và 6. (C) 2 và 6. (D) 9 và 12.
- Câu 9.** Số 39 là
 (A) số nguyên tố. (B) hợp số.
 (C) không phải là số nguyên tố. (D) không phải là hợp số.
- Câu 10.** Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu
 (A) M cách đều hai điểm A, B .
 (B) M nằm giữa hai điểm A và B .
 (C) M nằm giữa hai điểm A và B và M cách đều hai điểm A và B .
 (D) M không nằm giữa A và B .
- Câu 11.** Cho điểm B nằm giữa 2 điểm A và C . Tia đối của tia BA là
 (A) tia AB . (B) tia CA . (C) tia AC . (D) tia BC .
- Câu 12.** Cho 4 đường thẳng phân biệt. Có thể tạo ra nhiều nhất bao nhiêu giao điểm?
 (A) 3 giao điểm. (B) 4 giao điểm. (C) 5 giao điểm. (D) 6 giao điểm.

B. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Viết tập hợp $Q = \{x \in \mathbb{N} \mid 13 \leq x \leq 19\}$ bằng cách liệt kê các phần tử.

Bài 2. Thực hiện các phép tính sau (một cách hợp lý).

- a) $234 - 12^2 \div 144$. b) $25 \cdot 76 + 24 \cdot 25$.
 c) $80 - [130 - (12 - 4)^2]$. d) $1 + 2 + 3 + \dots + 101$.

Bài 3. Cho các số sau: 3241, 645, 21330, 4578.

- Tìm số chia hết cho 2 và 3?
- Số nào chia hết cho cả 2, 3, 5 và 9?

Bài 4. Không thực hiện phép tính, hãy cho biết tổng (hiệu) sau là số nguyên tố hay hợp số? Vì sao?

- $812 - 234$.
- $3 \cdot 5 \cdot 7 \cdot 11 + 3 \cdot 6 \cdot 8 \cdot 9 \cdot 10$.
- $3 \cdot 5 \cdot 7 \cdot 9 \cdot 11 + 13 \cdot 17 \cdot 19 \cdot 23$.

Bài 5.

- Tìm ƯCLN(24, 36).
- Số học sinh khối 6 của trường trong khoảng từ 200 đến 400. Khi xếp hàng 12, hàng 15, hàng 18 đều vừa đủ hàng. Tính số học sinh của khối 6.

Bài 6. Trên tia Ax , vẽ hai điểm B, C sao cho $AB = 3$ cm, $AC = 6$ cm.

- Điểm B có nằm giữa hai điểm A và C không? Vì sao?
- So sánh AB và BC .
- Điểm B có là trung điểm của đoạn thẳng AC không? Vì sao?
- Vẽ tia Ax' là tia đối của tia Ax . Trên tia Ax' lấy điểm D sao cho A là trung điểm của đoạn thẳng DB . Tính độ dài đoạn thẳng DB .

— HẾT —

MATH AND L^AT_EX

ĐỀ THAM KHẢO 6

Đề thi gồm có 01 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

Câu 1. Thực hiện phép tính

a) $2368 - 1754 + 1632 - 246.$

b) $120 \cdot 48 + 60 \cdot 28 + 30 \cdot 88 + 12 \cdot 160.$

c) $2 \cdot 5^2 + 3 \cdot 71^0 - 54 \div 3^3.$

d) $\frac{4^5 \cdot 3^{11} - 9^5 \cdot 2^{11}}{27^3 \cdot 32^2}.$

Câu 2. Tìm x , biết

a) $125 - 5(x - 1) = 25.$

b) $740 \div (x + 8) = 10^2 - 2 \cdot 13.$

c) $(x - 5)^3 = 64.$

d) $2^{x+2} - 2^x = 96.$

Câu 3. Cho A là tập hợp các số tự nhiên x sao cho $x \in B(2)$ và $x \leq 30$. B là tập hợp các số tự nhiên x sao cho $x \in U(24)$.

a) Viết tập hợp A, B bằng cách liệt kê phần tử.

b) Tính tổng tất cả các phần tử của mỗi tập hợp trên.

c) Cho $C = A \cap B$. Hãy liệt kê các phần tử của tập hợp C .

Câu 4. Tìm các chữ số a, b biết

a) $\overline{345a4b}$ chia hết cho 3 và 10.

b) $\overline{a135b}$ chia hết cho 5 và 9.

Câu 5.

a) Tìm các số tự nhiên n sao cho $3n + 7$ chia hết cho $n - 2$.

Ta có $3n + 7 = 3n - 6 + 13 = 3(n - 2) + 13.$

Do đó, để $3n + 7 \vdots n - 2$ thì $13 \vdots n - 2$

Suy ra $n - 2 \in U(13) = \{1; 13\}.$

Nên $n \in \{3; 15\}.$

b) Cho $P = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{101}$. Chứng minh rằng P chia hết cho 13.

$$\begin{aligned} P &= 1 + 3 + 3^2 + (3^3 + 3^4 + 3^5) + \dots (3^{99} + 3^{100} + 3^{101}) \\ &= (1 + 3 + 3^2) + 3^3(1 + 3 + 3^2) + \dots 3^{99}(1 + 3 + 3^2) \\ &= (1 + 3 + 3^2)(1 + 3^3 + \dots + 3^{99}) \\ &= 13 \cdot (1 + 3^3 + 3^{99}) \vdots 13. \end{aligned}$$

— HẾT —

MATH AND L^AT_EX

ĐỀ THAM KHẢO 7

Đề thi gồm có 02 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

-  **Câu 1.** Cho tập hợp $M = \{2; 10; 25\}$. Khi đó
- (A) $\{10; 25\} \subset M$. (B) $2 \notin M$. (C) $M \subset \{10; 25\}$. (D) $\{10\} \in M$.
-  **Câu 2.** Kết quả của phép tính $5^5 \cdot 5^7$ bằng:
- (A) 5^{35} . (B) 5^{12} . (C) 25^{12} . (D) 10^{12} .
-  **Câu 3.** Kết quả của phép tính $(2^{16} \cdot 5 + 3 \cdot 2^{16}) : 2^{15}$ bằng:
- (A) 4. (B) 8. (C) 10. (D) 16.
-  **Câu 4.** Kết quả của phép tính $(9^2)^3$ bằng:
- (A) 9^6 . (B) 9^5 . (C) 3^8 . (D) 81^2 .
-  **Câu 5.** Số 25365 bằng:
- (A) Chia hết cho 2 và 3. (B) Chia hết cho 3 và 5.
(C) Chia hết cho 2 và 5. (D) Chia hết cho 9.
-  **Câu 6.** Hiệu của $11 \cdot 9 \cdot 5 \cdot 2 - 48$ chia hết cho:
- (A) 2 và 3. (B) 2 và 9. (C) 3 và 5. (D) 2 và 5.
-  **Câu 7.** Số đoạn thẳng có trong hình bên là:
- (A) 1. (B) 3. (C) 4. (D) 6.
-  **Câu 8.** Điểm B nằm giữa hai điểm A và C . Khẳng định nào sau đây sai:
- (A) Tia BA và tia BC đối nhau. (B) Tia AB và tia AC trùng nhau.
(C) Điểm A thuộc tia BC . (D) Điểm A thuộc tia CB .

B. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Thực hiện các phép tính (tính nhanh nếu có thể)

- a) $18 \cdot 65 + 35 \cdot 18$. b) $2^8 : 2^4 + 3^2 \cdot 3^8$.
- c) $120 + [80 - (20 - 12)^2]$. d) $4 \cdot 3^4 - 3^4 : 3^3 + 25^2 : 5^2$.

Bài 2. Tìm số tự nhiên x biết

- a) $5(x + 3) = 15$. b) $20 + 5x = 5^5 : 5^3$. c) $5^{2x-3} - 2 \cdot 5^2 = 5^2 \cdot 3$.

Bài 3. Vẽ đường thẳng xy . Lấy điểm O trên đường thẳng xy , điểm A thuộc tia Ox , điểm B thuộc tia Oy .

- a) Viết tên các tia trùng nhau gốc O .
- b) Viết tên các tia đối nhau gốc A .

- c) Lấy điểm bất kỳ không thuộc đường thẳng . Vẽ đoạn thẳng MA , tia MO , đường thẳng MB .

Bài 4. a) Cho $A = 5 + 5^2 + 5^3 + \dots + 5^{2016}$. Tìm x để $4A + 5 = 5^x$.

- b) Chứng minh tích của 4 số tự nhiên liên tiếp luôn là số chính phương.

— HẾT —

MATH AND L^AT_EX

ĐỀ THAM KHẢO 8

Đề thi gồm có 01 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

 **Câu 1.** Cho tập hợp $M = \{5; 8; 11\}$. Cách viết nào sau đây là **sai**?

- (A) $8 \in M$. (B) $\{5; 8; 11\} \subset M$. (C) $13 \notin M$. (D) $\{5; 8; 11\} \in M$.

 **Câu 2.** Phép tính nào thực hiện đúng?

- (A) $2 \cdot 4^2 = 8^2 = 64$. (B) $2 \cdot 4^2 = 2 \cdot 16 = 32$. (C) $2 \cdot 4^2 = 2 \cdot 8 = 16$. (D) $2 \cdot 4^2 = 8^2 = 16$.

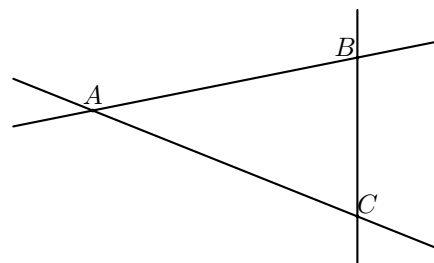
 **Câu 3.** Để 5 chia hết cho $n + 3$ thì số tự nhiên n là

- (A) 4. (B) 3. (C) 2. (D) 1.

 **Câu 4.**

Trong hình vẽ bên có bao nhiêu tia?

- (A) 6 tia. (B) 12 tia. (C) 9 tia. (D) 18 tia.



B. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Cho $M = \{1; 13; 21; 29; 52\}$. Tìm $x \in M$ biết $20 < x < 40$.

Bài 2. Thực hiện phép tính

- a) $32 : \{160 : [300 - (175 + 21 \cdot 5)]\}$. b) $(20 \cdot 2^4 + 12 \cdot 2^4 - 48 \cdot 2^2) : 2^6$.

Bài 3. Tìm số tự nhiên x , biết:

- a) $(x - 140) : 7 = 3$. b) $(7x - 11)^3 = 2^5 \cdot 5^2 + 200$.

Bài 4. Trên đường thẳng a lấy 4 điểm E, F, G, H theo thứ tự đó. Biết $EH = 7\text{cm}$; $FE = 2\text{cm}$; $FG = 3\text{cm}$.

- a) So sánh FG và GH .
b) Tìm những cặp đoạn thẳng bằng nhau.

Bài 5. Chứng tỏ rằng tổng sau không chia hết cho 10.

$$A = 405^n + 2^{405} + m^2 \quad (m, n \in \mathbb{N}, n \neq 0).$$

— HẾT —

MATH AND L^AT_EX

ĐỀ THAM KHẢO 9

Đề thi gồm có 02 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng trong 4 câu sau: (1 điểm)

- ☒ **Câu 1.** Số phần tử của tập hợp $A = \{1; 3; 5; \dots; 2017\}$ là
 (A) 2016. (B) 1008. (C) 1009. (D) 2017.
- ☒ **Câu 2.** Số tự nhiên liền trước của số $a + 1$ ($a \in \mathbb{N}^*$) là
 (A) $a - 1$. (B) a . (C) $a + 1$. (D) $a + 2$.
- ☒ **Câu 3.** Điền chữ số nào sau đây vào dấu * để số $\overline{23*}$ chia hết cho 3?
 (A) 0. (B) 2. (C) 5. (D) 7.
- ☒ **Câu 4.** Nếu đường thẳng chứa ba điểm A, B, C thì có tất cả số cách gọi tên đường thẳng đó là:
 (A) 3. (B) 4. (C) 5. (D) 6.
- ☒ **Câu 5.** (1,0 điểm) Xác định tính đúng, sai của các khẳng định sau:
- a) Mọi số nguyên tố đều là số lẻ. ☐
- b) Nếu $a + b$ chia hết cho 9 và a chia hết cho 9 thì b chia hết cho 9. ☐
- c) Số chia hết cho 5 thì có chữ số tận cùng là 5. ☐
- d) Đoạn thẳng AB là hình gồm tất cả các điểm nằm giữa A và B . ☐

B. PHẦN TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài 1. (2 điểm).

- a) Cho tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 7 < x \leq 11\}$.
- (a) Viết tập hợp A bằng cách liệt kê các phần tử. Xác định số phần tử của tập hợp A .
- (b) Dùng kí hiệu ($\in, \notin$) để viết các phần tử 7 và 11 thuộc A hay không thuộc tập hợp A .
- b) Áp dụng tính chất chia hết, xét xem mỗi tổng (hiệu) sau có chia hết cho 6 không?
- (a) $60 - 15$,
- (b) $48 + 2016 + 60$.

Bài 2. (2,5 điểm).

1. Thực hiện phép tính:
- a) $5 \cdot 3^2 - 32 : 2^2$,
- b) $25 \cdot 73 + 25 \cdot 27 - 100$.
2. Tìm số tự nhiên x biết:

- a) $(x - 15) \cdot 72 = 0$,
- b) $x + 3^2 \cdot 3 = 7^5 : 7^3$,
- c) $14 : (2 \cdot x + 4)$.

Bài 3. (2,5 điểm). Vẽ đường thẳng xy ; lấy điểm A , điểm C nằm trên đường thẳng xy và điểm B không nằm trên đường thẳng xy ; vẽ đường thẳng AB và tia CB .

- a) Kể tên tất cả các đoạn thẳng có trong hình vừa vẽ.
- b) Vẽ tia Cz cắt đoạn thẳng AB tại điểm I . Trong ba điểm A , I , B điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại và kể tên tia đối của tia IA .

Bài 4. (1 điểm). Trong một phép chia, số bị chia bằng 63, số dư bằng 8. Tìm số chia và thương.

— HẾT —

MATH AND L^AT_EX

ĐỀ THAM KHẢO 10

Đề thi gồm có 01 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

Câu 1. Thực hiện phép tính

a) $253 - 137 + 25.$

b) $418 - 259 - 31.$

c) $36 \cdot 68 + 64 \cdot 68.$

d) $39 \cdot 113 + 87 \cdot 39.$

e) $13 \cdot 3^3 + 17 \cdot 3^3$

f) $76 - [26 + (16 - 2 \cdot 7)^3].$

Câu 2. Tìm số tự nhiên x biết:

a) $(x - 35) - 120 = 0.$

b) $310 - (118 - x) = 217.$

c) $2x - 128 = 2^3 \cdot 3^2.$

d) $4x^3 + 12 = 120.$

Câu 3. Cho các số 3476; 1254; 3261; 4735; 6420.

a) Số nào chia hết cho 2 mà không chia hết cho 5?

b) Số nào chia hết cho 5 mà không chia hết cho 2?

c) Số nào chia hết cho cả 2 và 5?

Câu 4. Thay dấu sao bởi các chữ số thích hợp để $\overline{1*5}$ chia hết cho 3.

Câu 5. Cho đoạn thẳng $AB = 8\text{cm}$. Điểm C nằm giữa hai điểm A và B . So sánh hai đoạn thẳng AC và CB nếu:

a) $CB = 3\text{ cm}.$

b) $CB = 4\text{ cm}.$

— HẾT —

MATH AND L^AT_EX

ĐỀ THAM KHẢO 11

Đề thi gồm có 01 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

Câu 1. Tìm a và b đểa) Số $\overline{4a12b}$ chia hết cho cả 2; 5 và 9.b) Số $\overline{71a1b}$ chia hết cho 45.**Câu 2.** Ba bạn Huy, Hùng, Uyên đến chơi câu lạc bộ thể dục đều đặn. Bạn Huy cứ 12 ngày đến 1 lần, Hùng 6 ngày đến một lần và Uyên 8 ngày đến một lần. Hỏi sau bao lâu nữa thì ba bạn gặp lại nhau ở câu lạc bộ lần thứ hai.**Câu 3.** Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 3$ cm, $OB = 6$ cm.a) Điểm A có nằm giữa hai điểm O và B không? Vì sao?b) Tính độ dài đoạn thẳng AB .c) Điểm A có phải là trung điểm của đoạn thẳng OB không? Vì sao?d) Gọi P là trung điểm của đoạn thẳng OA , Q là trung điểm của đoạn thẳng AB . Chứng tỏ $OB = 2PQ$.**Câu 4.** Tìm số tự nhiên n sao cho

a) $(3n + 8) : (2n + 1)$

b) $(n^2 + 3n + 6) : (n + 3)$

— HẾT —

MATH AND L^AT_EX

ĐỀ THAM KHẢO 12

Đề thi gồm có 01 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số chia hết cho cả 2; 3 và 5 là

- (A) 1035. (B) 1230. (C) 7352. (D) 503.

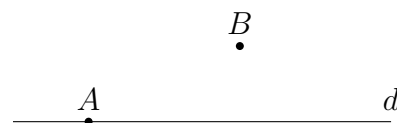
Câu 2. Kết quả phép tính $5^5 \cdot 5^7$ bằng:

- (A) 5^{45} . (B) 5^{12} . (C) 25^{14} . (D) 10^{14} .

Câu 3.

Cho hình vẽ bên. Chọn câu đúng

- (A) $A \notin d$ và $B \in d$. (B) $A \in d$ và $B \in d$.
(C) $A \notin d$ và $B \notin d$. (D) $A \in d$ và $B \notin d$.



Câu 4. Hình gồm hai điểm P, Q và tất cả các điểm nằm giữa hai điểm P, Q là

- (A) Tia PQ . (B) Tia OP .
(C) Đoạn thẳng PQ . (D) Đường thẳng PQ .

B. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. (2 điểm) Thực hiện phép tính (Tính nhanh nếu có thể)

- a) $55 + 45 : 3^2$. b) $24 \cdot 85 + 15 \cdot 24 - 230$.
c) $3^{24} : 3^{21} + 2^2 \cdot 2^3$. d) $191 - [10^2 - (97 - 94)^2 \cdot 2018^0]$.

Bài 2. Tìm số tự nhiên x , biết

- a) $2(x + 19) = 60$. b) $(7x - 24) \cdot 5^4 = 5^6$. c) $21 - 5 \cdot (x - 4) = 11$.

Bài 3. Cho A là tập hợp các số tự nhiên chẵn lớn hơn 4 và không vượt quá 30.

- a) Viết tập hợp A bằng hai cách.
b) Tập hợp A có bao nhiêu phần tử.

Bài 4. Vẽ đường thẳng xy . Lấy điểm O nằm trên đường thẳng xy . Lấy điểm A thuộc tia Ox , điểm B thuộc tia Oy .

- a) Viết tên các tia trùng với tia Oy .
b) Viết tên hai tia đối nhau gốc B .
c) Hai tia Ax và Oy có đối nhau không? Vì sao?

Bài 5. Nhà bạn Bách có quán bún riêu. Hàng ngày, mẹ bạn Bách mở cửa bán hàng lúc 6h30'. Vào các ngày thứ bảy, chủ nhật thì quán đóng gấp rưỡi ngày thường. Mỗi ngày thường trung bình bán được 120 bát. Hỏi trong tháng 10 năm 2018, quán bún riêu nhà bạn Bách bán được bao nhiêu bát? Tổng thu được bao nhiêu tiền? (Biết rằng mỗi bát bún riêu có giá 25 000 đồng)

Bài 6. Chứng minh rằng tổng sau chia hết cho 40.

$$S = 3 + 3^2 + 3^3 + 3^4 + \dots + 3^{2012}$$

MATH AND L^AT_EX

ĐỀ THAM KHẢO 13

Đề thi gồm có 01 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

Bài 1. (2,0 điểm) Cho các số 1638; 393; 3690; 1650. Trong các số trên

- a) Số nào chia hết cho cả 3 và 9?
- b) Số nào chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9?
- c) Số nào chia hết cho cả 2; 3 và 5?
- d) Số nào chia hết cho cả 2; 3; 5 và 9.

Bài 2. (2,5 điểm) Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

- a) $135 + 360 + 65 + 40$.
- b) $27 \cdot 39 + 27 \cdot 25 + 27 \cdot 36$.
- c) $24 : \{390 : [500 - (5^3 + 49 \cdot 5)]\}$.

Bài 3. (2,0 điểm) Tìm các số tự nhiên x , biết

- a) $x - 7 = 21$.
- b) $96 - 7(x + 1) = 12^4 : 12^3$.
- c) $4 < 2^x \leq 128$.
- d) $2^{x-2} = 1$.

Bài 4. (3,0 điểm) Vẽ hình theo yêu cầu sau: vẽ đường thẳng xy . Trên đường thẳng xy vẽ các điểm A , O , B sao cho điểm O nằm giữa hai điểm A và B .

- a) Tia OA là tia đối của tia nào?
- b) Tia OB trùng với tia nào?
- c) Tia Ax có là tia đối của tia By không? Vì sao?

Bài 5. (0,5 điểm) Chứng tỏ rằng $A = 2 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + \dots + 2^{90}$ chia hết cho 21.

— HẾT —

MATH AND L^AT_EX

ĐỀ THAM KHẢO 14

Đề thi gồm có 01 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

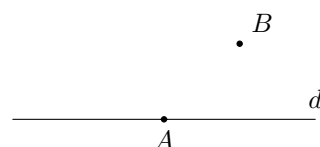
- ✍ Câu 1. Tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 2 và không vượt quá 7 là
 (A) $\{2; 3; 4; 5; 6; 7\}$. (B) $\{3; 4; 5; 6\}$. (C) $\{2; 3; 4; 5; 6\}$. (D) $\{3; 4; 5; 6; 7\}$.

- ✍ Câu 2. Kết quả của phép tính $5^5 \cdot 5^9$ được viết dưới dạng lũy thừa là
 (A) 5^{45} . (B) 5^{14} . (C) 25^{14} . (D) 10^{14} .

✍ Câu 3.

Cho hình vẽ bên, hãy chọn câu đúng

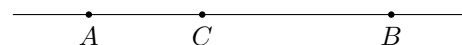
- (A) $A \notin d$ và $B \in d$. (B) $A \in d$ và $B \in d$.
 (C) $A \notin d$ và $B \notin d$. (D) $A \in d$ và $B \notin d$.



✍ Câu 4.

Cho hình vẽ bên, hãy chọn câu đúng

- (A) A nằm giữa C và C .
 (B) B nằm giữa A và C .
 (C) C nằm giữa A và B .
 (D) Không có điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại.



B. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. (1,0 điểm) Viết tập hợp B các số tự nhiên không vượt quá 5 bằng hai cách?

Bài 2. (2,5 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $7^2 - 36 : 3^2$.

b) $200 : [119 - (25 - 2 \cdot 3)]$.

Bài 3. (1,5 điểm) Tìm x , biết $23 + 3x = 125$.

Bài 4. (3,0 điểm) Vẽ đường thẳng xy . Lấy điểm O nằm trên đường thẳng xy . Lấy điểm M thuộc tia Oy . Lấy điểm N thuộc tia Ox .

- a) Viết tên hai tia đối nhau gốc O .
 b) Trong ba điểm M , O , N thì điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?

— HẾT —

MATH AND L^AT_EX

ĐỀ THAM KHẢO 15

Đề thi gồm có 01 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: *90 phút* (không kể phát đề)

Bài 1. (2,5 điểm) Cho tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N} | 7 < x \leq 11\}$.

- a) Hãy viết tập hợp A bằng cách liệt kê các phần tử của tập hợp A . Tập hợp A có bao nhiêu phần tử?
- b) Dùng kí hiệu ($\in$, $\notin$) để điền vào ô vuông cho đúng

7 A; 9 A; 11 A.

- c) Hãy viết 3 tập hợp con của tập hợp A sao cho số phần tử của các tập hợp con đó là khác nhau? Tập hợp A có tất cả bao nhiêu tập hợp con?

Bài 2. *(2,0 điểm)* Dùng tính chất của các phép tính để tính nhanh

- a) $4 \cdot 17 \cdot 25$. b) $281 + 129 + 219$.
- c) $2^3 \cdot 2^2 + 5^5 : 5^3$. d) $29 \cdot 31 + 66 \cdot 69 + 31 \cdot 37$.

Bài 3. (2,5 điểm) Tìm x , biết

- a) $5 \cdot x - 7 = 13$. b) $2 \cdot x + 3^2 \cdot 3 = 7^5 : 7^3$. c) $95 - 3 \cdot (x + 7) = 23$.

Bài 4. (2,5 điểm) Vẽ đường thẳng xy ; lấy điểm A nằm trên đường thẳng xy , lấy điểm B không nằm trên đường thẳng xy ; vẽ đường thẳng đi qua hai điểm A và B .

- Kể tên tất cả các tia gốc A .
- Hãy cho biết hai tia đối nhau trong hình vừa vẽ.

Bài 5. (0,5 điểm) Tìm các số tự nhiên x, y thỏa mãn: $x^2 + 2xy = 100$.

— HẾT —

TRƯỜNG THCS HẢI LĨNH

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề thi gồm có 01 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2018 – 2019

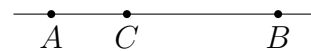
Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu 0,5 điểm)

- Câu 1.** Tập hợp $B = \{x \in \mathbb{N} | 4 \leq x < 9\}$ có số phần tử là
 (A) 2. (B) 3. (C) 5. (D) $\emptyset$.
- Câu 2.** Kết quả so sánh hai số 2^3 và 3^2 là
 (A) $2^3 > 3^2$. (B) $2^3 = 3^2$. (C) $2^3 < 3^2$. (D) $2^3 \geq 3^2$.
- Câu 3.** Kết quả của lũy thừa 3^3 là
 (A) 27. (B) 9. (C) 6. (D) 81.
- Câu 4.** Kết quả của phép tính $3^2 + 4^0$ là
 (A) 7. (B) 10. (C) 13. (D) 9.
- Câu 5.** Số x mà $2^x \cdot 2^2 = 2^8$ là
 (A) 1. (B) 4. (C) 6. (D) 2^6 .
- Câu 6.** Trong các số sau số nào chia hết cho 9?
 (A) 324. (B) 246. (C) 7421. (D) 7853.
- Câu 7.** Để số $\overline{57a}$ chia hết cho 3 thì a nhận các giá trị là
 (A) 3. (B) 3 và 9. (C) 0; 3; 6 và 9. (D) 9 và 0.
- Câu 8.**

Cho hình vẽ. Hãy cho biết khẳng định nào sai



- (A) Điểm C nằm giữa hai điểm A và B .
 (B) Hai điểm C và B nằm cùng phía đối với điểm A .
 (C) Hai điểm A và B nằm cùng phía đối với điểm C .
 (D) Hai điểm A và C nằm cùng phía đối với điểm B .

B. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1 (1,5 điểm). Thực hiện phép tính

a) $17 \cdot 35 + 17 \cdot 65 - 50$

b) $(2 \cdot 5^2 - 18 : 3^2) : 2^3$

c) $24 : \left\{ 568 : \left[500 - (135 - 129)^3 \right] \right\}$

Bài 2 (1,5 điểm). Tìm số tự nhiên x biết

a) $x - 5 = 126 : 6$.

b) $2 \cdot x - 138 = 4^3 : 4^2$.

Bài 3 (2 điểm). a) Vẽ đường thẳng xy . Lấy điểm O trên đường thẳng xy , trên tia Ox lấy điểm M trên tia Oy lấy điểm N .b) Viết tên hai tia đối nhau gốc O .c) Viết tên các tia trùng nhau gốc M .d) Viết tên các đoạn thẳng trên đường thẳng xy .**Bài 4 (1 điểm).** Cho $A = 1 + 4 + 4^2 + 4^3 + \dots + 4^{98}$. Chứng tỏ rằng A chia hết cho 21.

TRƯỜNG THCS NGHĨA LÂM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề thi gồm có 02 trang

Năm học: 2018 – 2019

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

-  **Câu 1.** Cho tập hợp $A = \{a; 5; b; 7\}$. Cách viết nào đúng?
 (A) $5 \in A$. (B) $0 \in A$. (C) $7 \notin A$. (D) $a \notin A$.
-  **Câu 2.** Tập hợp $M = \{0; 1; 2; 3; \dots; 100\}$ có số phần tử là
 (A) 99. (B) 100. (C) 101. (D) 102.
-  **Câu 3.** Tập hợp $Q = \{1; 2; 3; \dots; 55\}$ có thể viết là
 (A) $Q = \{x \in \mathbb{N} | 1 < x < 55\}$. (B) $Q = \{x \in \mathbb{N} | 0 < x < 55\}$.
 (C) $Q = \{x \in \mathbb{N} | 1 < x < 56\}$. (D) $Q = \{x \in \mathbb{N} | 1 \leq x \leq 55\}$.
-  **Câu 4.** Cặp số chia hết cho 2 là
 (A) (234; 415). (B) (312; 450). (C) (675; 530). (D) (987; 123).
-  **Câu 5.** Nếu a chia hết cho 3 và b chia hết cho 6 thì $a + b$ chia hết cho
 (A) 3. (B) 6. (C) 9. (D) 5.
-  **Câu 6.** Số vừa chia hết cho 3, số vừa chia hết cho 5 là
 (A) 425. (B) 693. (C) 660. (D) 256.
-  **Câu 7.** Cho hai tập hợp $U(10)$ và $U(15)$. Giao của hai tập hợp này là
 (A) $\{0; 1; 3; 4; 5\}$. (B) $\{1; 5\}$. (C) $\{0; 1; 5\}$. (D) $\{5\}$.
-  **Câu 8.** Các cặp số nào sau đây là số nguyên tố cùng nhau.
 (A) 3 và 11. (B) 4 và 6. (C) 2 và 6. (D) 9 và 12.
-  **Câu 9.** Số 39 là
 (A) Số nguyên tố. (B) Hợp số.
 (C) Không phải là số nguyên tố. (D) Không phải là hợp số.
-  **Câu 10.** Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu
 (A) M cách đều hai điểm A và B .
 (B) M nằm giữa hai điểm A và B .
 (C) M nằm giữa hai điểm A và B và cách đều hai điểm A và B .
 (D) Hai điểm A và B nằm cùng phía với điểm M .
-  **Câu 11.** Cho điểm B nằm giữa hai điểm A và C . Tia đối của tia BA là
 (A) Tia AB . (B) Tia CA . (C) Tia AC . (D) Tia BC .
-  **Câu 12.** Cho bốn đường thẳng phân biệt. Có thể tạo ra nhiều nhất bao nhiêu giao điểm
 (A) 3 giao điểm. (B) 4 giao điểm. (C) 5 giao điểm. (D) 6 giao điểm.

B. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1 (0,5 điểm). Viết tập hợp $Q = \{x \in \mathbb{N} | 13 \leq x \leq 19\}$ bằng cách liệt kê các phần tử.

Bài 2 (1,75 điểm). Thực hiện các phép tính sau (một cách hợp lý)

a) $234 - 12^2 : 144$.

b) $25 \cdot 76 + 24 \cdot 25$.

c) $80 - [130 - (12 - 4)^2]$.

d) $1 + 2 + 3 + \dots + 101$.

Bài 3 (0,75 điểm). Cho các số sau: 3241; 645; 21330; 4578.

- a) Tìm số chia hết cho 2 và 3?
- b) Số nào chia hết cho cả 2, 3, 5 và 9?

Bài 4 (0,75 điểm). Không thực hiện phép tính, hãy cho biết tổng (hiệu) sau là số nguyên tố hay hợp số? Vì sao?

- a) $812 - 234$.
- b) $3 \cdot 5 \cdot 7 \cdot 11 + 3 \cdot 6 \cdot 8 \cdot 9 \cdot 10$.
- c) $3 \cdot 5 \cdot 7 \cdot 9 \cdot 11 + 13 \cdot 17 \cdot 19 \cdot 23$.

Bài 5 (1,5 điểm). a) Tìm ƯCLN(24, 36).

- b) Số học sinh khối 6 của trường trong khoảng từ 200 đến 400. Khi xếp hàng 12, hàng 15, hàng 18 đều vừa đủ hàng. Tính số học sinh của khối 6.

Bài 6 (1,5 điểm). Trên tia Ax , vẽ hai điểm B, C sao cho $AB = 3\text{cm}$, $AC = 6\text{cm}$.

- a) Điểm B có nằm giữa hai điểm A và C không? Vì sao?
- b) So sánh AB và BC .
- c) Điểm B có là trung điểm của đoạn thẳng AC không? Vì sao?
- d) Vẽ tia Ax' là tia đối của tia Ax . Trên tia Ax' lấy điểm D sao cho A là trung điểm của đoạn thẳng DB . Tính độ dài đoạn thẳng DB .

— HẾT —

TRƯỜNG THCS QUY NHẬT

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề thi gồm có 01 trang

Năm học: 2018 – 2019

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cho tập hợp $P = \{2; 3; 4; 5; 6\}$. Cách viết nào sau đây là sai

- (A) $4 \in P$. (B) $\{4\} \subset P$. (C) $\{3; 4; 5\} \subset P$. (D) $\{4; 6\} \in P$.

Câu 2. Tập hợp tất cả các ước của 10 là

- (A) $\{1; 2; 3; 5; 10\}$. (B) $\{2; 5; 10\}$. (C) $\{1; 2; 5\}$. (D) $\{1; 2; 5; 10\}$.

Câu 3. Tập hợp nào sau đây chỉ gồm các số nguyên tố

- (A) $\{13; 15; 17; 19\}$. (B) $\{3; 5; 7; 11\}$. (C) $\{1; 3; 5; 9\}$. (D) $\{3; 5; 7; 9\}$.

Câu 4. Số tự nhiên x thỏa mãn $2 + x = 2^2 \cdot 3$ là

- (A) 6. (B) 8. (C) 10. (D) 12.

Câu 5. Kết quả của phép tính $2^4 : 2^2 \cdot 3^3 : 3^2$

- (A) 6. (B) 12. (C) 18. (D) 24.

Câu 6. Tập hợp các bội của 3 là

- (A) $\{0; 3; 6; 9; \dots\}$. (B) $\{1; 3; 6; 9; \dots\}$. (C) $\{1; 3; 5; 9; \dots\}$. (D) $\{0; 3; 6; 9\}$.

Câu 7. Cho điểm M nằm giữa hai điểm A và B . Kết luận nào sau đây là đúng

- (A) Tia MA và tia AM là hai tia đối nhau. (B) Tia MB trùng với tia AB .
(C) Tia MA và tia MB là hai tia đối nhau. (D) Tia MA trùng với tia BA .

Câu 8. Cho hai tia OM và ON là hai tia đối nhau, lấy điểm P nằm giữa điểm O và N . Kết luận nào sau đây là đúng

- (A) Điểm M, N nằm khác phía đối với điểm P .
(B) Điểm M, N nằm cùng phía đối với điểm O .
(C) Điểm O, N nằm khác phía đối với điểm M .
(D) Điểm M, P nằm cùng phía đối với điểm O .

B. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. (3 điểm) Thực hiện phép tính

- a) $75 - (3 \cdot 5^2 - 4 \cdot 2^3)$. b) $17 \cdot 85 + 15 \cdot 17 - 120$.
c) $31 \cdot \{330 : [178 - 4(35 - 21 : 3)]\}$.

Câu 2. (2 điểm) Tìm số tự nhiên x biết

- a) $2x - 11 = 23$. b) $60 - 3(x - 2) = 51$.

Câu 3. (2 điểm) Cho đoạn thẳng $AB = 12\text{cm}$. Lấy điểm M nằm giữa hai điểm A và B sao cho $AM = 3\text{cm}$.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng MB .
b) Lấy thêm hai điểm phân biệt C, D trên đoạn thẳng MB (2 điểm này không trùng với M, B). Khi đó, trên hình vẽ có bao nhiêu đoạn thẳng, kể tên các đoạn thẳng đó.

Câu 4. (1 điểm) So sánh hai hiệu $2018^{2019} - 2018^{2018}$ và $2018^{2018} - 2018^{2017}$.

TRƯỜNG THCS TỔNG VĂN TRẦN

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề thi gồm có 01 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2018 – 2019

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

- Câu 1.** Cho tập hợp $A = \{2; 4; 6\}$. Kết luận nào sau đây là **sai**
 (A) $A \subset \{2; 4; 6\}$. (B) $6 \in A$. (C) $\{0; 2; 4\} \subset A$. (D) $0 \notin A$.
- Câu 2.** Số phần tử của tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x = 2k; k \in \mathbb{N} \text{ và } k \leq 4\}$.
 (A) 0. (B) 4. (C) 5. (D) 6.
- Câu 3.** Kết quả của phép tính $3^2 \cdot 2^2$.
 (A) 5^4 . (B) 5^2 . (C) 6^4 . (D) 36.
- Câu 4.** Biết $(x - 18) : 6$ và $18 < x \leq 24$. Giá trị của x là
 (A) 24. (B) 18. (C) 18; 24. (D) 42.
- Câu 5.** Giá trị của x để $(32 - x)$ là số liền trước của số 21.
 (A) 12. (B) 20. (C) 22. (D) 52.
- Câu 6.** Giá trị của x thỏa mãn $x^{100} = 1^x$ là
 (A) $x \in \mathbb{R}$. (B) 1. (C) 0. (D) 1; 0.
- Câu 7.** Điểm M nằm giữa hai điểm N và P . Khẳng định nào sau đây là đúng?
 (A) Tia MN và NM là hai tia trùng nhau. (B) Tia MN và MP là hai tia trùng nhau.
 (C) Tia NM và NP chỉ có một điểm chung. (D) Điểm N thuộc tia PM .
- Câu 8.** Cho OA và OB là hai tia đối nhau, C là điểm nằm giữa hai điểm O và B . Kết luận nào sau đây là đúng.
 (A) Điểm O , A nằm khác phía đối với C . (B) A và C nằm khác phía đối với B .
 (C) O và C nằm khác phía đối với A . (D) A và B nằm khác phía đối với O .

B. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

a) $21 \cdot 78 + 21 \cdot 23 - 21$.

b) $1033 - 3 \left\{ 250 : \left[24 + (2^4 - 60 : 4)^5 \right] \right\}$.

Bài 2. (2,0 điểm) Tìm số tự nhiên x , biết

a) $3x + 15 = 75$.

b) $21 - 3(x - 2) = 18$.

Bài 3. (1,0 điểm) Tìm x, y để số $\overline{1x9y}$ chia hết cho cả 2; 5 và 9.

Bài 4. (2,5 điểm) Vẽ hai tia Am, An là hai tia đối nhau. Lấy điểm I thuộc tia Am , điểm K thuộc tia An .

a) Chỉ ra các tia đối nhau gốc I .

b) Qua điểm H ở ngoài đường thẳng mn . Vẽ đoạn thẳng HI , tia HA , đường thẳng HK .

c) Lấy điểm P thuộc tia Kn . Chứng minh điểm K nằm giữa hai điểm I và P .

Bài 5. (0,5 điểm) Tìm tất cả các cặp số tự nhiên $(a; b)$ để $5^a + 9999 = 20b$.

— HẾT —

TRƯỜNG THCS XUÂN LA

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề thi gồm có 02 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2018 – 2019

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

-  **Câu 1.** Giá trị lũy thừa 4^3 là
 (A) 12. (B) 64. (C) 16. (D) 48.
-  **Câu 2.** Kết quả của phép tính $13^8 : 13^4$ là
 (A) 13^2 . (B) 13^4 . (C) 13^{12} . (D) 1^4 .
-  **Câu 3.** Số 4 viết theo số La Mã là
 (A) VI. (B) IV.
 (C) IIII. (D) Một kết quả khác.
-  **Câu 4.** Cho tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N}^* | x < 9\}$. Số phần tử của A là
 (A) 10. (B) 9. (C) 8. (D) 11.
-  **Câu 5.** Tập hợp các ước của 8 là
 (A) $\{0; 1; 2; 4; 6; 8\}$. (B) $\{0; 1; 2; 4; 8\}$. (C) $\{1; 2; 4; 8\}$. (D) $\{1; 2; 4; 6; 8\}$.
-  **Câu 6.** Kết quả phân tích số 120 ra thừa số nguyên tố
 (A) $2^3 \cdot 3 \cdot 5$. (B) $2 \cdot 3 \cdot 4 \cdot 5$. (C) $15 \cdot 2^3$. (D) $2 \cdot 3 \cdot 2^2 \cdot 5$.
-  **Câu 7.** Có bao nhiêu số nguyên tố có hai chữ số mà chữ số hàng đơn vị là 1?
 (A) 4 số. (B) 3 số. (C) 5 số. (D) 6 số.
-  **Câu 8.** Cho tập hợp $A = \{a; b; c; d; e\}$. Số tập hợp con của A mà có 4 phần tử là
 (A) 5. (B) 6. (C) 3. (D) 4.

B. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Thực hiện phép tính (tính hợp lí)

- a) $3 \cdot 5^2 - 15 \cdot 2^2$. b) $58 \cdot 76 + 47 \cdot 58 - 58 \cdot 23$.
 c) $125 \cdot 5 \cdot 17 \cdot 8 \cdot 2$. d) $621 - \{[(117 + 3) : 5] - 3^2\}$.

Bài 2. Tìm $x \in \mathbb{N}$, biết

- a) $2 \cdot (x + 4) + 5 = 65$. b) $(x - 5)^2 = 16$.
 c) $x : 12$ và $24 < x < 67$. d) $5^x \cdot 3 - 75 = 0$.

Bài 3. Điền vào x, y các chữ số thích hợp để

- a) Số $\overline{2x5}$ chia hết cho 9.
 b) Số $\overline{4y3x}$ chia hết cho cả 2; 3 và 5.

Bài 4. Cho tia Ox và Oy là hai tia đối nhau. Điểm P và Q thuộc tia Ox sao cho P nằm giữa O và Q . Điểm A thuộc tia Oy .

- a) Tia nào trùng với tia OP ? Tia nào trùng với tia OA ?
 b) Tia nào là tia đối của tia PQ ?

c) Có bao nhiêu đoạn thẳng? Kể tên các đoạn thẳng đó?

Bài 5.

a) Cho $A = 11^9 + 11^8 + 11^7 + \dots + 11 + 1$. Chứng minh rằng $A \div 5$.

b) Chứng minh rằng với mọi số tự nhiên n thì $n^2 + n + 1$ không chia hết cho 4.

— HẾT —

TRƯỜNG THCS YÊN PHONG ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề thi gồm có 01 trang

Năm học: 2018 – 2019

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

- Câu 1.** Cho $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 4 < x < 9\}$. Số phần tử của tập hợp A là
 (A) 6. (B) 4. (C) 5. (D) 3.
- Câu 2.** Kết quả của phép tính $5^{12} : 5^4$ là
 (A) 25^{48} . (B) 25^3 . (C) 5^8 . (D) 5^3 .
- Câu 3.** Trong các số 910; 225; 1314; 540 số chia hết cho cả 2, 3, 5 và 9 là
 (A) 540. (B) 910. (C) 225. (D) 1314.
- Câu 4.** Đoạn thẳng AB là hình gồm
 (A) Hai điểm A, B .
 (B) Những điểm nằm giữa A và B .
 (C) Những điểm nằm trên tia AB .
 (D) Hai điểm A, B và tất cả các điểm nằm giữa hai điểm A và B .

B. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

- a) $126 + 344 + 474$; b) $4^2 \cdot 164 - 4^2 \cdot 8^2$;
 c) $(12 \cdot 49 - 3 \cdot 2^2 \cdot 7^2) : (2018 \cdot 2019)$; d) $\{[2^2 \cdot (17 - 3 \cdot 5) + 7] + 2019^0\} : 2^3$.

Bài 2. Tìm số tự nhiên x biết

- a) $45 - x = 27$; b) $402 + (x - 2 \cdot 64) = 430$;
 c) $x^2 + 5^2 = 5^3$; d) $x + 7 : x + 1$.

Bài 3. Cho điểm O nằm giữa hai điểm A và B . Vẽ điểm C nằm giữa hai điểm O và A , điểm D nằm giữa hai điểm O và B .

- a) Kể tên các tia trùng nhau gốc O .
 b) Trong ba điểm O, C, D điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? Vì sao?

Bài 4. Biết rằng số tự nhiên n chia hết cho 2 và $n^2 - 2n$ chia hết cho 5. Hãy tìm chữ số tận cùng của n .

— HẾT —

TRƯỜNG THCS THUẬN
THÀNH

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề thi gồm có 01 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2018 – 2019

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

Bài 1. Thực hiện phép tính bằng cách hợp lý nếu có thể

a) $23 + 45 + 77.$

b) $17 \cdot 34 + 17 \cdot 39 + 27 \cdot 17.$

c) $16 : 2^3 + 5^2 \cdot 4.$

d) $36 : \left\{ 20 - \left[30 - (5 - 1)^2 \right] \right\}.$

Bài 2. Tìm số tự nhiên x biết

a) $(x - 35) - 120 = 0.$

b) $70 - 5(x - 3) = 45.$

c) $x : 12$ và $12 \leq x < 50.$

d) $12(x - 1) : 3 = 4^3 + 2^3.$

Bài 3. a) Tìm các chữ số a, b để: Số $\overline{1a5b}$ chia hết cho cả 5 và 9.b) Cho $A = 5 \cdot 7 \cdot 9 \cdot 11 + 15 \cdot 17 \cdot 19$. Hỏi A là số nguyên tố hay hợp số? Vì sao?**Bài 4.** Trên đường thẳng xy lấy các điểm M, N, P theo thứ tự ấy và điểm A không thuộc đường thẳng xy .a) Viết tên các tia đối nhau gốc N , các tia trùng nhau gốc N .b) Vẽ tia AM , đoạn thẳng NA , đường thẳng AP .**Bài 5.** Khi chia một số cho 255 ta được số dư là 160. Hỏi số đó có chia hết cho 85 không? Vì sao? Nếu có dư thì số dư là bao nhiêu?

— HẾT —

TRƯỜNG THCS TRỰC NINH

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề thi gồm có 02 trang

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

 **Câu 1.** Cho tập hợp $M = \{4; 5; 6; 7\}$ cách viết nào sau đây là đúng:

- (A) $\{4\} \in M$. (B) $5 \subset M$. (C) $\{6; 7\} \in M$. (D) $\{4; 5; 6\} \subset M$.

 **Câu 2.** Số phần tử của tập hợp $P = \{x \in \mathbb{N} \mid x:2 \text{ và } 12 < x \leq 30\}$ là

- (A) 7. (B) 8. (C) 9. (D) 10.

 **Câu 3.** Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả là một số chia hết cho 3 là

- (A) $2019 + 2^2$. (B) $15 \cdot 16 \cdot 17 + 4 \cdot 5$. (C) $3^3 \cdot 4 \cdot 5 - 6 \cdot 7 \cdot 8$. (D) $2^3 \cdot 4^3$.

 **Câu 4.** Cho $5^{x+1} = 125$ ta có

- (A) $x = 2$. (B) $x = 4$. (C) $x = 25$. (D) $x = 125$.

 **Câu 5.** Cho $x \in \mathbb{U}(20)$ và $x > 5$ ta có

- (A) $x \in \{10; 20\}$. (B) $x \in \{5; 10; 20\}$.
(C) $x \in \{1; 2; 3; 4; 5; 10; 20\}$. (D) $x \in \{1; 2; 4; 5; 10; 20\}$.

 **Câu 6.** Tập hợp các số tự nhiên $x \in \mathbb{B}\{15\}$ và $20 < x \leq 100$ là

- (A) $\{15; 30; 45; 60; 75; 90\}$. (B) $\{30; 45; 60; 75; 90\}$.
(C) $\{30; 45; 60; 75; 90; 100\}$. (D) $\{0; 15; 30; 45; 60; \dots\}$.

 **Câu 7.** Cho bốn điểm phân biệt trong đó có đúng ba điểm thẳng hàng. Qua hai điểm ta vẽ một đường thẳng. Số đường thẳng tạo thành là

- (A) 3. (B) 4. (C) 5. (D) 6.

 **Câu 8.** Trên cùng một đường thẳng, cho điểm B nằm giữa hai điểm A và C . Khẳng định nào sau đây là **sai**.

- (A) Tia BA và tia BC đối nhau. (B) Tia AB và tia BC trùng nhau.
(C) Điểm C thuộc tia AB . (D) Điểm A thuộc tia CB .

B. PHẦN TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Thực hiện phép tính

a) $5^2 \cdot 33 + 5^2 \cdot 67$. b) $50 + [30 - 2 \cdot (14 - 48 \div 4^2)]$. c) $(3^{12} \cdot 4 + 5 \cdot 3^{12}) : 3^9$.

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm số tự nhiên x biết:

a) $65 : (15 - x) = 5$. b) $105 - 5(x + 8) = 5^3 \div 5^1$.

Bài 3. (1,5 điểm) Cho số $\overline{2a19b}$

- a) Tìm b để số $\overline{2a19b}$ chia hết cho 5.
b) Tìm a, b để số $\overline{2a19b}$ chia hết cho 2, 5 và 9.

Bài 4. (2 điểm) Cho hai đường thẳng xy và mn cắt nhau tại A . Trên tia Ax lấy hai điểm phân biệt B và D (khác điểm A , điểm B nằm giữa A và D). Trên tia Am lấy hai điểm phân biệt C và E (khác điểm A , điểm C nằm giữa A và E). Vẽ hai đường thẳng BE, DC chúng cắt nhau tại F .

- a) Kể tên các bộ ba điểm thẳng hàng.
- b) Nêu tên các tia đối nhau gốc A . Các tia trùng nhau gốc A .
- c) Trên hình có bao nhiêu đoạn thẳng? Hãy kể tên các đoạn thẳng đó?

Bài 5. (1 điểm) Cho $A = 5 + 5^2 + 5^3 + 5^4 + \dots + 5^{2019}$. Tìm x để $4A + 5 = 5^{x+1}$.

— HẾT —

PGD&ĐT XUÂN TRƯỜNG

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề thi gồm có 02 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

-  **Câu 1.** Tập hợp A các chữ số dùng để viết số 2019 có số phần tử là
 (A) 8. (B) 4. (C) 5. (D) 6.
-  **Câu 2.** Cho $A = \{x \mid 4 \leq x < 9 \text{ và } x \in \mathbb{N}\}$. Tổng tất cả các phần tử của tập hợp A là
 (A) 30. (B) 26. (C) 39. (D) 35.
-  **Câu 3.** Giá trị của số tự nhiên x thỏa mãn $(x + 3) \cdot 0 = 0$ là
 (A) $x \in \mathbb{N}$. (B) $x \in \mathbb{N}; x \leq 3$. (C) $x \in \mathbb{N}; x \geq 3$. (D) $x \in \emptyset$.
-  **Câu 4.** Số $\overline{35*}$ chia hết cho 2 và 5 khi (*) nhận giá trị là
 (A) 5. (B) 5. (C) 2. (D) 0.
-  **Câu 5.** Số nào sau đây chia hết cho tất cả các số 2, 3, 5, 9?
 (A) 1230. (B) 3150. (C) 902. (D) 903.
-  **Câu 6.** Tổng các ước số của 8 là
 (A) 4. (B) 8. (C) 14. (D) 15.
-  **Câu 7.** Cho điểm A thuộc tia OB . Khẳng định nào sau đây đúng?
 (A) Tia OA và tia OB là hai tia đối nhau. (B) Điểm B nằm giữa hai điểm O và A .
 (C) Tia OA và OB là hai tia trùng nhau. (D) Điểm O nằm giữa hai điểm A và B .
-  **Câu 8.** Cho 4 điểm A, B, C và D trong đó không có ba điểm nào thẳng hàng. Số đoạn thẳng nhận hai trong số 4 điểm trên làm đầu mút là
 (A) 4. (B) 5. (C) 6. (D) 7.

B. PHẦN TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài 1. (2,25 điểm) Thực hiện phép tính

- a) $39 \cdot 53 + 47 \cdot 39$;
 b) $6^2 : 4 \cdot 3 + 2 \cdot 5^2 - 1^{21}$;
 c) $\{ [2^2(14 - 4 \cdot 3) + 7] + 20192020^\circ \} : 2^3$.

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm số tự nhiên x biết

- a) $96 - 3(x + 1) = 42$; b) $x \in \mathbb{U}(40)$ và $x \leq 20$.

Bài 3. (1,0 điểm) Cho tập hợp A các số tự nhiên có hai chữ số sao cho tổng chữ số hàng chục và hàng đơn vị là 11, chữ số hàng chục lớn hơn chữ số hàng đơn vị.

- a) Viết tập hợp A bằng cách liệt kê phần tử; b) Viết các tập con của tập hợp A gồm hai phần tử.

Bài 4. (2,5 điểm) Cho Ox, Oy là hai tia đối nhau. Lấy điểm A thuộc tia Ox , hai điểm B và C thuộc tia Oy (điểm C nằm giữa hai điểm O và B).

- a) Hai tia CB và BC có phải là hai tia đối nhau không? Vì sao? Kể tên tia trùng với tia Ox ;
- b) Trong ba điểm A, O, C điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? Vì sao?
- c) Cho $OA = 2$ cm, $AC = 4$ cm, $OB = 5$ cm. Tính độ dài CB .

Bài 5. (0,75 điểm) Cho $A = \frac{7^{2020^{2019}} - 3^{2018^{2020}}}{5}$. Chứng tỏ rằng A là số chẵn.

— HẾT —

TRƯỜNG THCS LƯƠNG THẾ VINH

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề thi gồm có 02 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

-  **Câu 1.** Tập $A = \{x \in \mathbb{N}^* | x \leq 5\}$ có
 (A) 6 phần tử. (B) 4 phần tử. (C) 5 phần tử. (D) Vô số phần tử.
-  **Câu 2.** Cho tập $M = \{a, b, c\}$. Số tập con có hai phần tử của M là
 (A) 7. (B) 8. (C) 6. (D) 3.
-  **Câu 3.** Kết quả của phép tính $6^6 : 6^3$ là
 (A) 1. (B) 6^3 . (C) 6^2 . (D) 6.
-  **Câu 4.** Trong phép chia cho 4, số dư có thể là
 (A) 0; 1; 2; 3. (B) 4. (C) 1; 2; 3. (D) 1; 2; 3; 4.
-  **Câu 5.** Tổng $2019 + 321$
 (A) Chia hết cho 9. (B) Chia hết cho 2 và 5.
 (C) Chia hết cho 2, 3 và 5. (D) Chia hết cho 2, 3, 5 và 9.
-  **Câu 6.** Khi viết số tự nhiên có hai chữ số mà chữ số hàng chục lớn hơn chữ số hàng đơn vị là 4, ta viết được
 (A) 6 số. (B) 4 số. (C) 5 số. (D) 2019 số.
-  **Câu 7.** Cho I là một điểm bất kì của đoạn thẳng MN , thì
 (A) I trùng với N , hoặc trùng với M hoặc nằm giữa hai điểm M, N .
 (B) I phải nằm giữa hai điểm M, N .
 (C) I trùng với M .
 (D) I trùng với N .
-  **Câu 8.** Hai tia trùng nhau nếu
 (A) Chung gốc và cùng nằm trên một đường thẳng.
 (B) Chung gốc và có một điểm chung khác với điểm gốc.
 (C) Chúng có hai điểm chung.
 (D) Chúng có rất nhiều điểm chung.

B. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Thực hiện các phép tính sau (tính nhanh nếu có thể)

- a) $20 \cdot 64 + 36 \cdot 20 + 19$. b) $3^6 : 3^5 + 2 \cdot 2^3 + 2020^0$.
 c) $80 - (4 \cdot 5^2 - 3 \cdot 2^3)$. d) $60 : \{20 - [30 - (5 - 1)^2]\}$.

Bài 2. Tìm số tự nhiên x , biết

- a) $70 - 5 \cdot (x - 3) = 45$. b) $10 + 2 \cdot x = 4^5 : 4^3$. c) $2 \cdot 3^x + 5 \cdot 3^{x+1} = 153$.

Bài 3. Vẽ hai tia đối nhau Ox, Oy . Lấy điểm A thuộc Ox , B thuộc Oy ,

- a) Viết tên các tia trùng nhau với gốc O .

b) Trong 3 điểm A, O, B điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? vì sao?

c) Lấy $M \notin xy$. Hãy vẽ đoạn thẳng MO , tia MA , đường thẳng MB .

Bài 4. a) Gọi $A = n^2 + n + 1$ với $(n \in \mathbb{N})$. Chứng tỏ A không chia hết cho 4.

b) Chứng tỏ rằng, với số tự nhiên n thì $B = 3^{n+3} + 2^{n+3} + 3^{n+1} + 2^{n+2}$ chia hết cho 6.

— HẾT —

TRƯỜNG THCS THANH MIỆN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1
- HẢI DƯƠNG

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề thi gồm có 02 trang

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Câu 1. Tập hợp các số tự nhiên khác 0 và không vượt quá 5 là:

- (A) $\{0; 1; 2; 3; 4\}$. (B) $\{1; 2; 3; 4\}$. (C) $\{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$. (D) $\{1; 2; 3; 4; 5\}$.

Câu 2. Số phần tử của tập hợp $A = \{1991; 1992; \dots; 2019; 2020\}$ là:

- (A) 28. (B) 29. (C) 30. (D) 31.

Câu 3. Một tàu hỏa chở 512 hành khách. Biết rằng mỗi toa có 10 khoang, mỗi khoang có 4 chỗ ngồi. Cần ít nhất mấy toa để chở hết số hành khách này?

- (A) 12. (B) 13. (C) 14. (D) 15.

Câu 4. Trong các số 142; 255; 197; 210. Số **không** chia hết cho cả 2 và 5 là

- (A) 142. (B) 255. (C) 210. (D) 197.

Câu 5. Phép tính đúng là

- (A) $2019^1 = 0$. (B) $x^7 \cdot x = x^8$. (C) $2^4 : 3^3 = 2^7$. (D) $10000 = 10^5$.

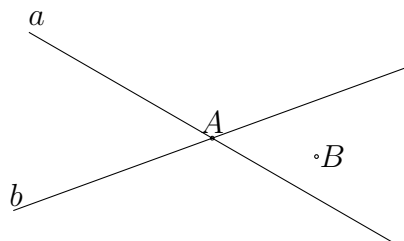
Câu 6. Với $x = 2$, $y = 3$ thì $x^3 \cdot y^2$ có giá trị bằng

- (A) 36. (B) 27. (C) 72. (D) 108.

Câu 7.

Cho hình vẽ. Chọn khẳng định đúng trong các câu sau

- (A) $A \in a$, $B \notin b$. (B) $A \in a$, $B \in b$.
 (C) $A \notin a$, $B \notin b$. (D) $A \notin a$, $B \in b$.



Câu 8. Số La Mã XIV có giá trị là

- (A) 17. (B) 16. (C) 15. (D) 14.

B. PHẦN TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài 1. (2,5 điểm) Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

- a) $146 + 121 + 54 + 379$ b) $43 \cdot 17 + 29 \cdot 57 + 13 \cdot 43 + 57$
 c) $5^6 : 5^4 + 3^2 - 2019^1$ d) $100 : \{250 : [450 - (4 \cdot 5^3 - 2^2 \cdot 25)]\}$

Bài 2. (2,5 điểm) Tìm số tự nhiên x , biết

- a) $x - 25 = 70$. b) $x - 280 : 35 = 5 \cdot 54$.
 c) $390 : (5x - 5) = 39$. d) $6 \cdot x^3 - 8 = 40$.

Bài 3. (2,0 điểm) Cho đường thẳng mn , lấy điểm O thuộc đường thẳng mn và điểm A không thuộc đường thẳng mn . Vẽ tia OA , lấy điểm C sao cho A nằm giữa O và C .

- a) Kể tên các tia đối nhau gốc O ?

b) Hai tia OA và AC có trùng nhau không? Vì sao?

Bài 4. (1,0 điểm)

a) Cho $S = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{98} + 3^{99}$. Tìm chữ số tận cùng của S .

b) Tìm các số tự nhiên x, y sao cho $7^x + 12^y = 50$.

— HẾT —

PGD&ĐT TP.NINH BÌNH

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề thi gồm có 01 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Năm học: 2018 – 2019

Môn: Toán 6

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

-  **Câu 1.** Giá trị của lũy thừa 4^3 là
 (A) 12. (B) 64. (C) 7. (D) 81.
-  **Câu 2.** Kết quả của phép tính $2^6 : 2$ là
 (A) 2^7 . (B) 2^6 . (C) 2^5 . (D) 1.
-  **Câu 3.** Tổng $21 + 45$ chia hết cho số nào sau đây?
 (A) 9. (B) 7. (C) 5. (D) 3.
-  **Câu 4.** Đoạn thẳng MN là hình gồm
 (A) Hai điểm M và N .
 (B) Tất cả các điểm nằm giữa M và N .
 (C) Hai điểm M, N và một điểm nằm giữa M và N .
 (D) Điểm M , điểm N và tất cả các điểm nằm giữa M và N .

B. PHẦN TỰ LUẬN 8,0 điểm

Bài 1. (3,0 điểm) Tìm số tự nhiên x , biết

a) $(9x + 2) \cdot 3 = 60$. b) $(15 + x) : 3 = 3^6 : 3^3$. c) $2^x = 2^2 \cdot 2$.

Bài 2. (2,0 điểm)

- a) Tìm số tự nhiên gồm hai chữ số giống nhau. Biết rằng số đó chia hết cho 2 và chia cho 5 dư 1.
- b) Một đoàn tàu hỏa cần chở 892 khách tham quan. Biết rằng mỗi toa có 10 khoang, mỗi khoang có 4 chỗ ngồi. Hỏi đoàn tàu cần ít nhất bao nhiêu toa để chở hết số khách tham quan?

Bài 3. (2,0 điểm) Vẽ hai tia đối nhau Ox và Oy . Lấy điểm A thuộc tia Ox , điểm B thuộc tia Oy .

- a) Viết tên các tia trùng nhau gốc O .
- b) Hai tia Ax và By có đối nhau không? Vì sao?
- c) Chỉ ra hai điểm nằm cùng phía đối với điểm A .
- d) Trong ba điểm A, O, B thì điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?

Bài 4. (1,0 điểm) Cho $S = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{98}$. Chứng minh rằng

- a) S chia hết cho 13.
- b) S không phải là số chính phương.

— HẾT —

Mục lục

Đề số 1. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Math and L ^A T _E X, 2019 – 2020	1
Đề số 2. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Math and L ^A T _E X, 2019 – 2020	3
Đề số 3. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Math and L ^A T _E X, 2019 – 2020	5
Đề số 4. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Math and L ^A T _E X, 2019 – 2020	6
Đề số 5. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Math and L ^A T _E X, 2019 – 2020	7
Đề số 6. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Math and L ^A T _E X, 2019 – 2020	9
Đề số 7. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Math and L ^A T _E X, 2019 – 2020	10
Đề số 8. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Math and L ^A T _E X, 2019 – 2020	12
Đề số 9. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Math and L ^A T _E X, 2019 – 2020	13
Đề số 10. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Math and L ^A T _E X, 2019 – 2020	15
Đề số 11. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Math and L ^A T _E X, 2019 – 2020	16
Đề số 12. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Math and L ^A T _E X, 2019 – 2020	17
Đề số 13. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Math and L ^A T _E X, 2019 – 2020	18
Đề số 14. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Math and L ^A T _E X, 2019 – 2020	19
Đề số 15. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Math and L ^A T _E X, 2019 – 2020	20
Đề số 16. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Trường THCS Hải Lĩnh, 2018 – 2019 . . .	21
Đề số 17. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Trường THCS Nghĩa Lâm, 2018 – 2019 . .	22
Đề số 18. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Trường THCS Quy Nhật, 2018 – 2019 . . .	24
Đề số 19. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Trường THCS Tổng Văn Trân, 2018 – 2019	25
Đề số 20. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Trường THCS Xuân La, 2018 – 2019 . . .	26
Đề số 21. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Trường THCS Yên Phong, 2018 – 2019 . .	28
Đề số 22. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Trường THCS Thuận Thành, 2018 – 2019 .	29
Đề số 23. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Trường THCS Trục Ninh, 2019 – 2020 . .	30
Đề số 24. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, PGD&ĐT Xuân Trường, 2019 – 2020 . . .	32
Đề số 25. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Trường THCS Lương Thế Vinh, 2019 – 2020	34
Đề số 26. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, Trường THCS Thanh Miện - Hải Dương, 2019 – 2020	36
Đề số 27. Đề kiểm tra giữa học kì 1, môn Toán 6, PGD&ĐT Tp.Ninh Bình, 2018 – 2019 . . .	38